

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 -8-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Hồ Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: 124 C, khối V, phường A, thành phố B, tỉnh Nghệ An; “vắng mặt”.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn H; sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm Q, xã C, huyện D, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

***- Người làm chứng:*** Ông NLC; địa chỉ: Xóm 5 Q, xã C, huyện C, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Quỳnh Tr trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/10/2014. Sau

ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 1 năm đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chịu làm việc để chia sẻ trách nhiệm tài chính trong gia đình, mặt khác anh H còn nợ nần bên ngoài và có quan hệ ngoài hôn nhân. Chị cảm thấy tổn thương nặng nề về tinh thần và không thể hòa giải. Vợ chồng sống ly thân 02 năm nay, sau khi ly thân anh H cắt đứt mọi liên lạc và không một lần ghé thăm chị và con trai. Hiện tại chị và con trai đã về nhà bố mẹ để chị ở thành phố B, tỉnh Nghệ An để sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/3/2015. Hiện nay cháu Q đang ở với chị và hiện nay cháu Q đang bị tăng động giảm trí nhớ, một biểu hiện của bệnh tự kỷ. Nguyên vọng của chị là được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ trên một tháng.

Về tài sản: Chị Hồ Thị Quỳnh Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ông NLC trình bày:* Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn H. Con trai ông kết hôn với chị Hồ Thị Quỳnh Tr vào năm 2014 tại UBND xã C. Giữa anh H và chị Tr có mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân. Chị Tr và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/3/2015, hiện nay cháu Q đang ở với chị Tr ở trong thành phố B, tỉnh Nghệ An. Giữa anh H và chị Tr không có tài sản gì chung. Các văn bản tố tụng và tài liệu Tòa án giao cho ông nhận thay anh H, ông đã chuyển lại cho con trai ông, nhưng anh H hiện nay đi làm nghề cơ khí, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Anh H có ý kiến là chị Tr ly hôn thì tùy chị Tr, anh nhất trí để cháu Q cho chị Tr nuôi và nhất trí về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tr.

*Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã C, huyện Giao Thủy; phường Hồng Sơn, thành phố B:* Việc kết hôn, chung sống vợ chồng và con chung như các đương sự trình bày là đúng.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Văn H; giao cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Hồ Thị Quỳnh Tr trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Văn H kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị Tr và anh H không có hạnh phúc, đã sống ly thân trong nhiều năm. Anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, không tham gia hòa giải, không đến Tòa án để làm việc. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Quỳnh Tr đối với anh Nguyễn Văn H, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về việc nuôi con: Xác định chị Hồ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Văn H Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/3/2015. Căn cứ vào thực tế cháu Q đang được chị Tr nuôi dưỡng ổn định, chị Tr có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, điều kiện nuôi con của các đương sự; đủ cơ sở giao cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Hồ Thị Quỳnh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào lời trình bày của chị Tr cũng như tài liệu, chứng cứ do chị Tr giao nộp thì cháu Q là có dấu hiệu tự kỷ, rất khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với anh H là thợ cơ khí cũng có thu nhập ổn định, có điều kiện cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị Tr. Vì vậy, căn cứ vào các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Tr, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tr là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2020. Anh Nguyễn Văn H phải thi hành nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị Quỳnh Tr là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn; anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Văn H.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Hồ Thị Quỳnh Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hồ Thị Quỳnh Tr là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) một tháng, kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Hồ Thị Quỳnh Tr cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, anh Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Hồ Thị Quỳnh Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001273 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã C: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Duyên**